

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thanh Tuyền.
- Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 799/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 838/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1997.

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi tạm trú: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T2, sinh năm: 1994.

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Thị TN, sinh ngày 23/7/2016 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Phạm Thị T: Bà Cao Thị Thương là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T2 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/01/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống với ba mẹ chồng tại Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do anh T2 không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và có hành vi bạo lực, đánh đập chị. Do không thể sống chung với anh T2, đầu năm 2018 chị đã đưa con về nhà ngoại tại xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đến năm 2021 chị đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T2 nhưng được hai bên gia đình có khuyên bảo, động viên nên chị đã rút đơn khởi kiện. Mặt khác, để anh T2 có thêm thời gian để thay đổi bản thân và quan tâm đến vợ con nhiều hơn. Nhưng sau khi rút đơn, vợ chồng không về sống chung và cũng không quan tâm gì tới nhau. Thời gian gần đây chị được biết, anh T2 đang sống chung với người phụ nữ khác và người phụ nữ này có nhắn tin cho chị, đe dọa chị phải ly hôn với anh T2. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T2.

Về con chung: Chị với anh Trần Văn T2 có 01 người con chung là cháu Trần Thị TN, sinh ngày 23/7/2016. Sau khi vợ chồng sống ly thân, cháu TN do chị nuôi dưỡng và chăm sóc; anh T2 cũng không quan tâm gì đến con. Chị ở với ba mẹ nên ông bà ngoại của cháu cùng đỡ đần cho chị nuôi dưỡng, đưa đón cháu đi học. Để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Văn T2:* Ngày 06/11/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh, tại thời điểm xác minh anh Trần Văn T2 không có mặt tại địa phương. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T2 nhưng anh T2 cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án mà không có lý do nên không có ý kiến của anh T2 đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

** Bà Cao Thị Thương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Thị TN trình bày:*

Vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T2 có 01 người con chung: Trần Thị TN, sinh ngày 23/7/2016. Sau khi ba mẹ cháu ly thân, cháu ở với chị T và ông bà ngoại tại xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Theo nguyện vọng của chị T và gia đình ngoại, mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu TN đến khi cháu đủ 18 tuổi, gia đình chị T cũng cam đoan sẽ hỗ trợ chị T nuôi dưỡng cháu TN tốt nhất. Theo kết quả xác minh tại Trường Tiểu học và THCS Nam Phú, cô giáo chủ nhiệm lớp 2 của cháu TN là cô Lê Thị Hương cho biết “cháu TN tham gia lớp học đều đặn, thành tích học tập tốt, năm học 2022-2023 cháu đạt thành tích

học sinh xuất sắc, hiện nay cháu đang tiếp tục học tập tốt, vui vẻ, hòa đồng. Mẹ của cháu là chị Phạm Thị T rất quan tâm đến việc học của cháu, các hoạt động của trường tổ chức, các buổi họp phụ huynh chị đều tham gia đầy đủ, các khoản nộp đầy đủ cho cháu TN tại trường”. Và theo nguyện vọng của cháu TN, cháu mong muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu TN đề nghị Tòa án xem xét giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T, chị T được ly hôn với anh Trần Văn T2; về con chung: Giao cháu Trần Thị TN, sinh ngày 23/7/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Văn T2 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; đồng thời anh T2 hiện đang cư trú tại: Xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T2 đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T2 tự nguyện kết hôn vào ngày 15 tháng 01 năm 2016, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của chị T và anh T2 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa, theo chị T nguyên nhân là do anh T2 không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và có hành vi bạo lực, đánh đập chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T2. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người thân của vợ chồng chị T, anh T2 đã xác nhận, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân dài nhưng anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 vẫn cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này chứng tỏ anh T2 không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng hôn nhân của hai người nên mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, chị T được ly hôn anh Trần Văn T2.

[3.2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T2 có 01 người con chung là Trần Thị TN, sinh ngày 23/7/2016. Xét theo yêu cầu của chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu TN, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi chị T và anh T2 sống ly thân, cháu TN do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Ngoài ra, do bị đơn anh Trần Văn T2 hiện không có mặt tại địa phương, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T2 vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến gì của anh T2 về việc nuôi con. Để ổn định cuộc sống của cháu Trần Thị TN nên cần chấp nhận giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Thị TN của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T2.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị TN, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002251 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Trần Văn T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện ND;
- Chi cục THADS huyện ND;
- UBND xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nhân Khánh Phú Hồ Thị Thanh Tuyên

Nguyễn Văn Mạnh

